

12 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn



Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,296.30	-3.77	-4.10	48.79
HNX	292.98	-4.48	-7.49	153.31
UPCOM	83.89	-3.67	-5.67	46.53
MSCI EM	1,318.17	0.15	-4.62	23.28
NIKKEI	28,569.02	2.25	-1.31	28.17
HANG	27,515.24	0.62	-4.60	6.95
KOSPI	3,246.47	0.89	-0.09	50.98
FTSE	7,086.60	-0.50	-0.67	16.26
S&P 500	4,369.55	1.13	2.87	37.19
NASDAQ	14,701.92	0.98	4.50	38.47

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.77	2.61	14.92
SET	29.05	1.66	5.97
JCI INDEX	#N/A N/A	2.06	-7.32
PCOMP	29.56	1.70	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.07	0	-2	-85
10 năm	2.17	1	-1	-71

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,009	-0.07	-0.05	0.70
US\$/KRW	1,147	0.17	-2.63	4.68
US\$/JPY	110	0.05	-0.01	-2.53
US\$/EUR	0.84	0.05	2.08	-4.46
US\$/GBP	0.72	0.29	1.75	-9.47
US\$/SGD	1.35	0.02	-1.81	2.94

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,012	924	530
HNX	118	138	73
UPCOM	65	62	33



Nhận định thị trường

Lực cầu bắt đáy giúp giảm đà bán tháo

VN-Index tiếp tục chuỗi xu hướng giảm điểm kể từ phiên giảm sức thứ 3 tuần trước. Ngay đầu phiên sáng, thị trường đã chìm trong sắc đỏ và đà giảm mỗi lúc mạnh hơn trong phiên. Trong phiên, có thời điểm VN-Index diễn biến tiêu cực với nhiều mã giảm sàn khiến thị trường có lúc giảm **5,5%**, mất hơn **70 điểm**. Tuy nhiên lực cầu bắt đáy vào phiên chiều đã giúp thị trường phục hồi và lấy lại **26 điểm** kể từ thời điểm thấp nhất ngày. Kết phiên, VN-Index giảm **50,8 điểm**, tương ứng **-3,7%** so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 31.615 tỷ đồng, HNX: 4.139 tỷ đồng, UPCOM: 1.471 tỷ đồng.

Tiếp tục là phiên giảm sâu thứ 3 chỉ trong 5 phiên gần nhất, vì thế hầu hết các mã đều diễn biến tiêu cực và phiên hôm nay cũng không phải ngoại lệ, khi toàn sàn HOSE có 389 mã giảm giá so với 36 mã tăng giá. Đáng chú nhất ngày hôm nay là 4 cổ phiếu VN30 ngược dòng là điểm sáng hiếm hoi cho thị trường: MSN, MWG, NVL và VJC.

Khối ngoại là điểm sáng khi tiếp tục mua ròng trong thời gian gần đây, phiên hôm nay giá trị xấp xỉ 1.400 tỷ đồng. Trong số đó, STB (333 tỷ), SSI (202) và HPG (179) là những được mua ròng mạnh nhất

Phiên giảm điểm mạnh khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index giữ ở mức thấp nhất. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -7, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-6	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

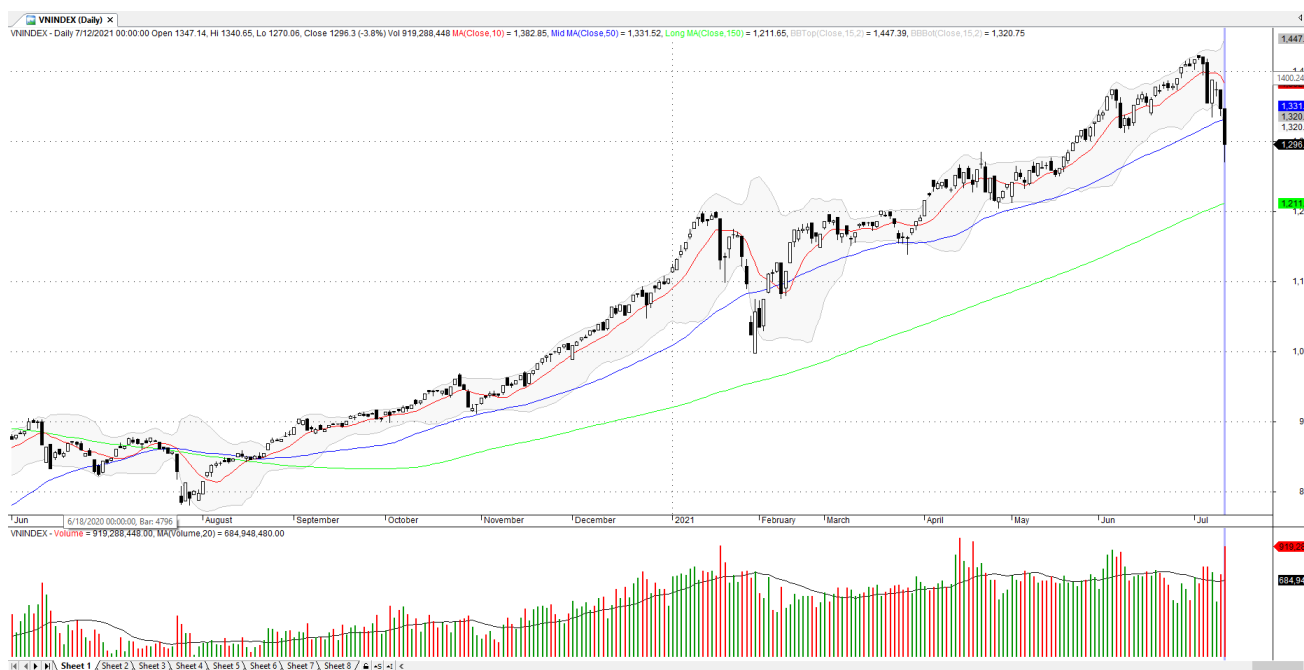
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-7	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/07/2021)	Kháng cự 1	1350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.270
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.220

VN-INDEX giảm sâu phiên thứ 3 trong 5 phiên gần nhất và xuyên thủng mốc MA50 ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (12/07/2021)	1.443	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 – đóng cửa	1.443	Hỗ trợ 1	1.410
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-0,8	Hỗ trợ 2	1.370

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-7	TIÊU CỰC

Phiên giảm điểm mạnh khiến các điểm số của VN30F1M đều ở mức tiêu cực, độ biến động cao kèm theo rủi ro cao với spread trong ngày hơn 100 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.4	15,182,570	-7	TIÊU CỰC	4,570	11.0	0.9
ACB	32.75	10,345,725	-7	TIÊU CỰC	88,489	10.3	2.3
AGR	12.6	3,618,730	-5	TIÊU CỰC	2,661	22.1	1.3
ART	7.9	4,130,185	-7	TIÊU CỰC	766	29.3	0.7
BID	42	3,901,790	-7	TIÊU CỰC	168,925	20.5	2.1
BSI	19.4	2,058,205	-7	TIÊU CỰC	2,358	9.5	1.5
BSR	16.9	18,679,724	-7	TIÊU CỰC	52,398	#N/A N/A	1.7
BVH	52	1,360,055	-7	TIÊU CỰC	37,339	19.7	1.8
BVS	24.9	1,341,030	-7	TIÊU CỰC	1,798	9.5	0.9
CII	16	2,750,485	-5	TIÊU CỰC	3,822	287.6	0.8
CTG	35	19,677,360	-7	TIÊU CỰC	168,202	9.5	1.8
CTR	68	566,200	-7	TIÊU CỰC	6,319	22.6	6.0
CTS	19.95	1,985,830	-7	TIÊU CỰC	2,123	8.2	1.4
DBC	51.9	2,410,605	-7	TIÊU CỰC	6,004	4.1	1.3
DCM	16	4,208,330	-7	TIÊU CỰC	8,470	14.3	1.3
DGC	82.2	1,172,010	0	TRUNG TÍNH	14,063	14.9	3.4
DGW	138	327,880	4	KHẢ QUAN	6,100	18.0	4.7
DIG	22.8	5,168,860	-4	TIÊU CỰC	9,346	12.2	2.0
DPM	19.75	2,881,525	-7	TIÊU CỰC	7,748	10.3	1.0
DRC	26.8	3,030,535	-7	TIÊU CỰC	3,184	11.3	1.8
DXG	22	7,802,610	-4	TIÊU CỰC	11,402	#N/A N/A	1.7
E1VFN30	24.75	1,262,050	-5	TIÊU CỰC	9,338	#N/A Field	#N/A Field
FIT	15.5	10,455,495	-3	TRUNG TÍNH	3,948	58.0	1.3
FLC	10.45	29,964,504	-7	TIÊU CỰC	7,384	5.4	0.8
FPT	86.1	2,756,920	-2	TRUNG TÍNH	78,133	21.0	4.7
FRT	30.15	1,761,640	7	KHẢ QUAN	2,381	126.7	1.9
GAS	88	1,192,135	-6	TIÊU CỰC	168,428	22.3	3.3
GEX	22.15	6,622,715	-4	TIÊU CỰC	17,303	13.2	1.9
GMD	38.8	2,792,800	-7	TIÊU CỰC	11,693	31.1	1.9
GVR	29.4	6,523,935	-7	TIÊU CỰC	117,600	26.9	2.5
HAH	35.5	1,611,610	6	KHẢ QUAN	1,682	10.1	1.5
HBC	12.65	5,070,105	-7	TIÊU CỰC	2,897	32.7	0.8
HCM	46.35	6,327,855	-5	TIÊU CỰC	13,651	18.2	2.9
HDB	33.8	4,546,855	-5	TIÊU CỰC	53,869	10.9	2.2
HDC	50	992,935	-4	TIÊU CỰC	4,157	15.5	3.4
HDG	44.35	1,477,095	6	KHẢ QUAN	7,257	6.3	2.0
HHV	17.6	1,839,655	-5	TIÊU CỰC	4,706	30.2	0.8
HNG	8.65	13,457,730	-7	TIÊU CỰC	9,589	368.4	1.1
HPG	44.95	31,606,406	-7	TIÊU CỰC	201,058	11.1	3.0
HQC	3.02	12,660,690	-7	TIÊU CỰC	1,439	201.9	0.3
HSG	33	12,105,245	-7	TIÊU CỰC	16,140	6.7	2.0
IDC	30.8	3,344,670	-7	TIÊU CỰC	9,240	29.5	2.5
IJC	24.9	7,311,655	-7	TIÊU CỰC	5,406	8.1	1.6
ITA	5.69	11,670,320	-7	TIÊU CỰC	5,339	25.7	0.5
KBC	29.95	12,521,475	-7	TIÊU CỰC	14,563	18.9	1.4
KDC	61	1,559,410	-4	TIÊU CỰC	13,954	45.4	2.4
KDH	35.9	2,368,465	-5	TIÊU CỰC	22,556	18.6	2.7
KSB	23.75	1,571,745	-4	TIÊU CỰC	1,741	6.9	1.1
LPB	27.6	8,597,570	-5	TIÊU CỰC	30,090	13.4	2.0
MBB	29.8	24,764,180	-6	TIÊU CỰC	112,594	11.1	2.2
MBS	29	2,875,975	-5	TIÊU CỰC	9,099	16.0	2.5
MSN	119.9	1,574,715	5	KHẢ QUAN	141,546	93.6	8.7

MWG	176.6	924,595	7	KHẢ QUAN	83,940	19.5	4.9
NKG	30.65	4,198,150	-7	TIÊU CỰC	5,569	9.2	1.5
NLG	37	2,302,220	-5	TIÊU CỰC	10,555	9.2	1.6
NVB	19.2	7,273,545	-2	TRUNG TÍNH	7,811	719.7	1.8
NVL	101.2	3,420,895	-7	TIÊU CỰC	154,876	34.1	4.8
OIL	12.1	2,972,345	-7	TIÊU CỰC	12,514	#N/A N/A	1.3
ORS	22.2	1,447,740	-7	TIÊU CỰC	2,220	21.1	3.5
PAN	22.8	1,860,775	-5	TIÊU CỰC	4,763	24.3	1.3
PDR	90	4,325,515	-5	TIÊU CỰC	44,248	33.7	8.3
PET	21.05	2,781,245	-3	TRUNG TÍNH	1,759	11.4	1.1
PHR	48.1	989,415	-7	TIÊU CỰC	6,518	6.8	2.0
PLX	49.65	2,902,910	-7	TIÊU CỰC	61,755	17.0	2.6
PNJ	102.1	620,945	0	TRUNG TÍNH	23,214	20.5	4.0
POW	10.15	10,545,100	-7	TIÊU CỰC	23,770	9.8	0.8
PVD	19	8,074,730	-4	TIÊU CỰC	8,001	123.8	0.6
PVS	24.3	13,766,565	-4	TIÊU CỰC	11,615	17.7	0.9
PVT	17.75	5,131,310	-4	TIÊU CỰC	5,745	7.8	1.1
REE	52.3	712,965	-5	TIÊU CỰC	16,163	9.1	1.4
ROS	4.83	17,655,084	-7	TIÊU CỰC	2,741	150.7	0.5
SBS	11.5	3,321,220	-7	TIÊU CỰC	1,457	1,267.9	7.0
SBT	16.85	4,681,995	-7	TIÊU CỰC	10,399	14.9	1.3
SCR	8.79	10,089,085	-7	TIÊU CỰC	3,220	18.2	0.7
SHB	23.7	26,824,460	-5	TIÊU CỰC	45,636	13.5	1.8
SHS	39.7	7,700,360	-7	TIÊU CỰC	8,001	8.2	2.2
SSI	49.5	13,879,245	-5	TIÊU CỰC	32,418	17.8	2.8
STB	28.4	30,878,710	-7	TIÊU CỰC	51,224	19.0	1.7
SZC	33.15	1,121,905	-7	TIÊU CỰC	3,315	15.6	2.5
TCB	53.5	23,490,430	2	TRUNG TÍNH	187,512	13.1	2.4
TCH	18.75	6,006,655	-7	TIÊU CỰC	7,485	7.3	1.3
TLH	14.15	2,441,620	-7	TIÊU CỰC	1,424	18.7	0.9
TNG	19	2,794,085	-5	TIÊU CỰC	1,511	10.1	1.2
TPB	35.05	5,072,365	-5	TIÊU CỰC	37,562	9.2	2.0
TSC	9.77	3,555,425	-3	TRUNG TÍNH	1,443	99.7	0.9
TTF	6.51	6,820,020	-7	TIÊU CỰC	2,026	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	107.1	2,034,545	-5	TIÊU CỰC	397,221	18.8	3.9
VCI	51.2	3,424,630	-5	TIÊU CỰC	17,150	18.1	3.5
VCS	104.5	345,200	-7	TIÊU CỰC	16,720	12.3	4.0
VGt	14.6	5,859,130	-7	TIÊU CỰC	7,300	25.6	1.2
VHC	37.15	1,968,685	-7	TIÊU CỰC	6,759	9.7	1.3
VHM	108	4,607,135	-7	TIÊU CỰC	355,268	13.7	3.9
VIB	49.2	1,731,500	0	TRUNG TÍNH	76,415	14.6	4.0
VIC	104	2,018,755	-7	TIÊU CỰC	351,773	47.8	4.4
VIX	22.35	3,974,005	-7	TIÊU CỰC	2,855	4.2	1.4
VJC	120	597,105	-2	TRUNG TÍNH	64,993	53.2	4.3
VND	37.8	7,184,300	-7	TIÊU CỰC	8,109	11.1	2.9
VNM	86.3	3,305,265	-7	TIÊU CỰC	180,363	18.4	5.8
VPB	64	21,364,744	-5	TIÊU CỰC	157,104	13.8	2.8
VRE	27	4,469,470	-7	TIÊU CỰC	61,353	23.0	2.0

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Dầu WTI tăng mạnh hơn 2%

Giá dầu tăng phiên thứ 2 liên tiếp vào ngày thứ Sáu (09/7), khi dữ liệu cho thấy dự trữ dầu thô tại Mỹ giảm. Dầu vậy, giá dầu vẫn giảm trong tuần qua trong bối cảnh không chắc chắn về nguồn cung toàn cầu sau khi OPEC+ bế tắc. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng dầu Brent tiến 1.43 USD (tương đương 1.93%) lên 75.55 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 1.62 USD (tương đương 2.22%) lên 74.56 USD/thùng. Giá dầu Brent và dầu WTI đã giảm khoảng 1% tuần qua, chịu sức ép bởi sự thất bại của các cuộc đàm phán sản lượng giữa Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh bao gồm Nga, được gọi chung là nhóm OPEC+. Dự trữ dầu và xăng tại Mỹ đã giảm và nhu cầu xăng đạt mức cao nhất kể từ năm 2019, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết vào ngày thứ Năm (08/7), cho thấy sức mạnh ngày càng tăng trong nền kinh tế.

Vàng thế giới có tuần tăng mạnh nhất trong 7 tuần

Giá vàng quay đầu tăng vào ngày thứ Sáu (09/7), đồng thời ghi nhận tuần tăng mạnh nhất trong 7 tuần, được củng cố bởi đồng USD suy yếu và lo ngại rằng sự lây lan của biến thể Covid-19 Delta có thể làm chậm đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0.5% lên 1,810.99 USD/oz, và tăng 1.4% trong tuần qua. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0.6% lên 1,810.6 USD/oz.

Giá xăng tăng mạnh 850 đồng/lít, lên mức cao nhất trong hơn 2 năm

Từ 15h chiều ngày 12/7, giá xăng E5 RON 92 tăng 850 đồng/lít lên 20.610 đồng/lít. Trong khi đó, xăng RON 95 tăng thêm 867 đồng/lít lên 21.783 đồng/lít. Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa phát đi thông tin về việc điều hành giá xăng dầu từ 15h ngày 12/7. Theo đó, Liên Bộ quyết định trích lập Quỹ BOG đối với dầu diesel ở mức 200 đồng/lít, dầu hỏa trích lập 300 đồng/lít, dầu mazut trích lập 300 đồng/kg. Chi sử dụng Quỹ BOG đối với mặt hàng xăng E5RON92 ở mức 1.300 đồng/lít, xăng RON95 ở mức 350 đồng/lít, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut không chi.

VIC: VinFast hoạt động tại Bắc Mỹ và châu Âu

Hôm nay (12/7), Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast đưa các chi nhánh tại Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Hà Lan vào hoạt động nhằm chuẩn bị cho việc ra mắt thị trường, từng bước thực hiện mục tiêu đưa VinFast trở thành hãng ô tô điện thông minh toàn cầu. Công ty cho biết Mỹ, Canada, Pháp, Hà Lan và Đức là 5 thị trường trọng điểm nằm trong kế hoạch mở rộng kinh doanh của VinFast ngay từ những ngày đầu khởi nghiệp. Để tiếp cận địa bàn, hơn một năm qua, VinFast đã gấp rút hoàn thiện bộ máy, thiết lập nền tảng kinh doanh ở các quốc gia sở tại. Về nhân sự, cùng với nòng cốt là đội ngũ quản lý cấp cao người Việt, VinFast đã thu hút nhiều chuyên gia ô tô và kinh doanh giàu kinh nghiệm đến từ các hãng xe hàng đầu như Tesla, BMW, Porsche, Toyota, Nissan... tham gia hoàn thiện hệ thống, mở rộng mạng lưới đối tác, chuẩn bị cho việc gia nhập thị trường. Về chiến lược kinh doanh, VinFast đã xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc thù của từng thị trường. Riêng tại châu Âu, VinFast tập trung vào Pháp, Đức và Hà Lan trước khi nghiên cứu mở rộng ra các nước khác. Các mẫu xe theo đó cũng sẽ được thiết kế phù hợp với nhu cầu khách hàng và điều kiện vận hành tự nhiên tại mỗi nước. Đại diện cho các thị trường, ông Jeremy Snyder, Giám đốc Phát triển thị trường của VinFast Mỹ (người đã có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý cấp cao tại Tesla) chia sẻ: "Với những dòng xe thông minh được bảo chứng bởi năng lực nghiên cứu và sản xuất của VinFast, chúng tôi tự tin rằng VinFast có thể cạnh tranh sòng phẳng với những thương hiệu hàng đầu tại Mỹ hiện nay".

DCM: lãi trước thuế 6 tháng đầu năm ước đạt 411 tỷ đồng

Ghi nhận tại buổi gặp gỡ nhà đầu tư trực tuyến mới đây, Tổng Giám đốc Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC, HoSE: DCM) – ông Văn Tiến Thanh – cho biết 6 tháng đầu năm 2021 được xem là một năm "chưa từng có tiền lệ" trong vòng 10 năm qua khi giá các sản phẩm phân bón nói chung và ure nói riêng có sự tăng đột biến, khó kiểm soát. Nửa đầu năm qua, việc vận hành nhà máy có bị gián đoạn do ảnh hưởng bởi nguồn cấp khí nguyên liệu. Tuy nhiên, công ty đã sớm khắc phục và đảm bảo sản lượng sản xuất theo kế hoạch. Công suất vận hành nhà máy trong quý 2 đạt trên 110% đủ để bù đắp sản lượng hụt trong quý I và đảm bảo nguồn cung cho thị trường trong nước, đặc biệt bộ sản phẩm phân bón Cà Mau đa dạng chủng loại đã kịp thời đến tay bà con ngay trong vụ Hè Thu tại ĐBSCL. Kết thúc 6 tháng đầu năm, tổng lượng sản xuất của công ty đạt 456.000 tấn (hoàn thành 102% kế hoạch). Sản lượng tiêu thụ đạt 421 nghìn tấn (106% kế hoạch). Kinh doanh thuận lợi giúp PVCFC đạt doanh thu ước

4.339 tỷ đồng (108% kế hoạch), cùng với các hoạt động tiết kiệm chi phí hiệu quả giúp lợi nhuận trước thuế ước đạt 411 tỷ đồng, tăng khoảng 8% so với cùng kỳ.

BWE: ước lãi 6 tháng tăng 35%, đạt 339 tỷ đồng

CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (Biwase, HoSE: BWE) thông báo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với tổng doanh thu ước đạt 1.666 tỷ đồng, giảm 0,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, doanh thu chưa ghi nhận 108,6 tỷ đồng từ lĩnh vực rác thải và nước thải do vốn ngân sách chưa giải ngân. Lợi nhuận sau thuế ước đạt 339 tỷ đồng, tăng trưởng 35% so với 6 tháng đầu năm 2020. Như vậy, tính riêng quý II, lãi ròng đạt hơn 161 tỷ đồng, tăng 37,2% so với cùng kỳ năm trước. Biwase hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch; thu gom, xử lý chất thải và nước thải trên địa bàn kinh doanh chính là tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Trong 6 tháng đầu năm, tổng công suất tăng 38% đạt 720.000 m³/ngày đêm; sản lượng nước tiêu thụ tăng 8% lên hơn 86 triệu m³ và tỷ lệ thất thoát nước ở mức 5,06%, giảm 0,27% so với 6 tháng đầu năm ngoái.

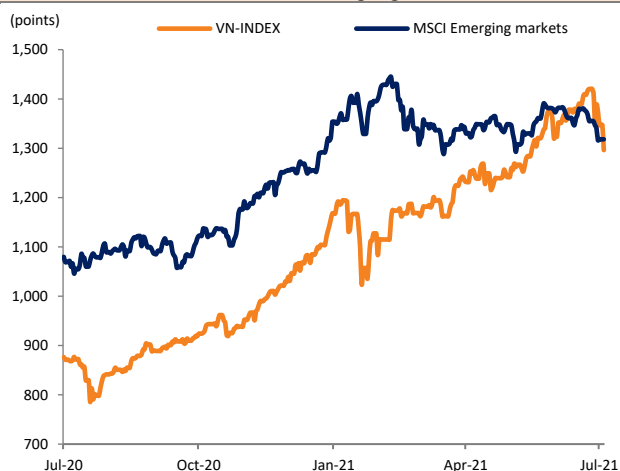
BCG: phát hành 90 triệu cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu với giá 10.000 đồng/cp

Ngày 12/7, Bamboo Capital (HoSE: BCG) thực hiện phát hành 90 triệu cổ phiếu để chuyển đổi 900.000 trái phiếu cho 45 trái chủ. Với giá chuyển đổi 10.000 đồng, tổng giá trị phát hành là 900 tỷ đồng. Số cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm. Trong danh sách trái chủ được chuyển đổi, ông Nguyễn Hồ Nam, Chủ tịch Bamboo Capital, sở hữu nhiều nhất với 200.000 trái phiếu tương ứng lượng cổ phiếu chuyển đổi 20 triệu đơn vị. Ngoài ra, danh sách gồm nhiều lãnh đạo khác như Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thế Tài (40.000 trái phiếu), Thành viên HĐQT Phạm Minh Tuấn (50.000 trái phiếu), Thành viên HĐQT Nguyễn Thanh Hùng (50.000 trái phiếu).

Bản tin thị trường

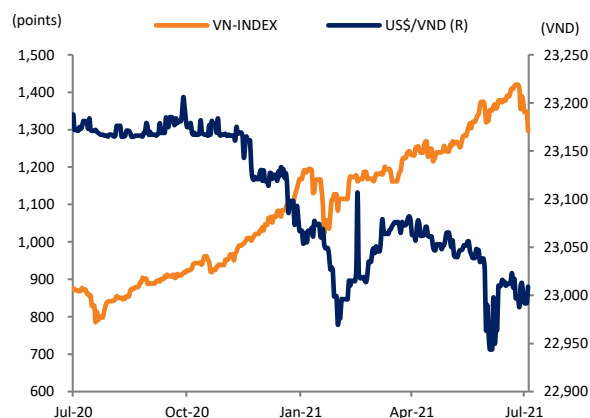
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



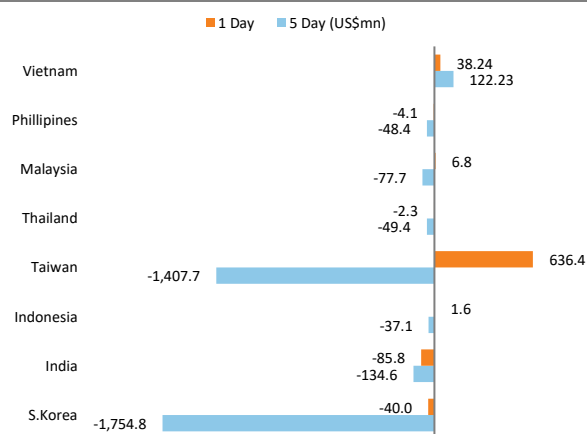
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



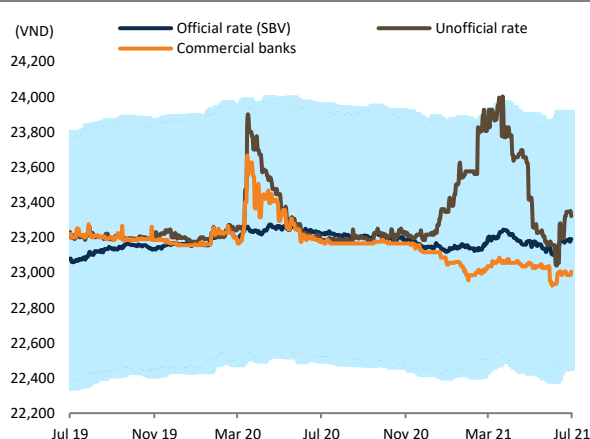
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



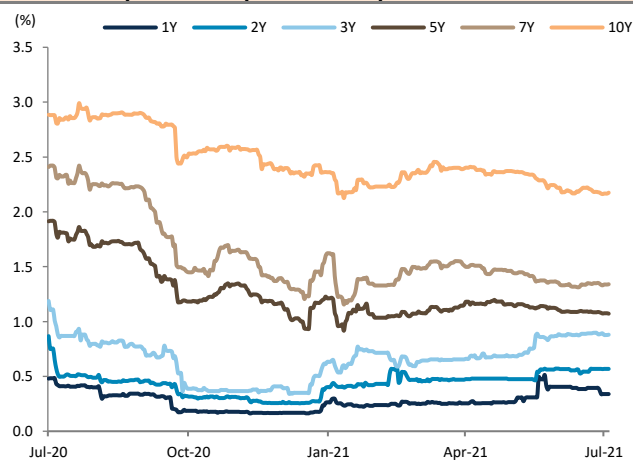
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



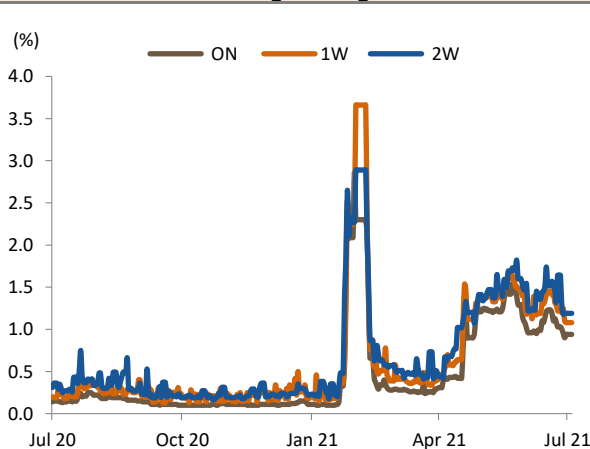
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,443.10	3,581,567		-3.4	-7.3	-3.0	78.4	14.0	12.0	2.6	2.2	15.1	16.6	23.3	20.7
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,000	168,925	16.7	-6.9	-10.0	-7.1	1.2	17.9	13.1	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,300	37,339	27.0	-6.7	-13.7	-12.2	5.0	21.8	19.3	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,000	168,202	24.8	-7.5	-13.3	-14.6	89.8	10.4	8.6	1.7	1.5	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	86,100	78,133	56.3	-4.1	-7.1	3.1	107.1	19.6	16.1	4.3	3.8	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	88,000	168,428	2.8	-5.2	-4.3	1.1	18.4	16.6	15.2	3.2	2.9	31.2	9.9	20.0	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,800	53,869	17.8	-4.8	-9.6	-1.9	109.3	9.8	8.1	1.8	1.5	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	44,950	201,058	26.4	-6.3	-12.2	-15.3	162.4	7.2	6.8	2.2	1.7	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,200	22,556	32.4	-1.6	-1.6	-1.6	73.1	18.7	13.9	2.4	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,800	112,594	21.4	-4.2	-6.7	2.1	170.7	10.2	8.7	1.9	1.6	33.2	17.0	21.4	20.8
Tập đoàn Masan	MSN VN	119,900	141,546	33.2	1.0	7.4	13.1	110.7	51.0	29.6	6.9	5.5	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	176,600	83,940	49.0	0.3	6.1	28.9	113.0	16.2	13.5	4.2	3.4	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	105,100	154,876	13.2	1.3	-8.6	0.2	126.8	28.4	31.2	4.5	4.4	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	90,900	44,248	4.1	-2.8	-4.3	4.0	382.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,650	61,755	17.3	-2.8	-8.9	-8.1	7.1	18.3	15.2	2.5	2.5	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	102,100	23,214	49.0	-3.7	2.8	5.4	70.5	17.5	13.8	3.7	3.1	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,150	23,770	2.9	-7.7	-13.2	-15.8	1.0	11.4	9.7	0.8	0.8	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,300	16,163	49.0	-0.4	-4.6	-4.7	63.4	8.9	7.2	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	16,850	10,399	8.6	-9.2	-17.8	-20.9	15.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	49,500	32,418	47.1	-7.6	-12.4	-1.2	210.3	20.3	15.8	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,400	51,224	12.9	-4.2	-12.9	-6.9	145.9	24.4	16.7	1.7	1.5	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,500	187,512	22.5	-5.5	-7.8	1.7	161.6	11.6	9.8	2.1	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	18,750	7,485	13.5	-7.4	-12.0	-14.4	-11.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	35,050	37,562	30.0	-7.2	-10.8	-4.2	97.3	8.2	6.9	1.7	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	107,100	397,221	23.6	-0.5	-5.7	4.2	29.5	17.4	14.6	3.4	2.8	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	108,000	355,268	23.1	-4.3	-8.9	1.9	36.0	11.5	10.2	3.1	2.4	13.2	12.1	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	104,000	351,773	15.8	-4.2	-9.6	-11.9	13.8	75.1	47.4	3.8	3.4	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	120,000	64,993	18.3	1.9	1.4	3.9	11.1	160.0	24.5	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	86,300	180,363	55.0	-1.3	-3.3	-6.2	-10.2	17.6	16.5	5.4	5.1	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,000	157,104	15.4	-6.4	-12.0	-10.7	182.6	11.3	10.7	2.1	1.7	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,000	61,353	30.5	-6.3	-8.5	-14.3	-0.2	21.9	17.9	2.0	1.8	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	1D	Biến động giá (%)			P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
				1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-50.84	5,057,866	-3.8	-8.1	-4.1	48.8	15.5	12.9	2.5	2.2	14.4	20.4	20.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	-0.05	7,848	-2.4	-5.0	-4.3	36.9	5.9	5.4	1.2	1.1	34.4	9.7	12.4	12.0
Ngân hàng	-23.65	1,672,970	-4.8	-7.1	-3.5	74.2	14.0	11.2	2.3	1.9	31.4	22.1	19.1	18.8
Xây dựng cơ bản	-1.69	163,802	-3.6	-5.0	-6.7	51.8	5.9	4.3	0.4	0.3	9.7	28.4	5.7	6.3
Dịch vụ thương mại	-0.05	4,411	-3.6	-4.1	-1.2	13.4	6.9	5.4	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	-0.47	44,369	-3.7	-4.8	1.5	132.5	13.7	11.1	2.7	2.3	41.5	22.2	18.2	18.2
Dịch vụ tiêu dùng	-0.07	7,863	-2.9	-4.3	-3.5	12.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-1.58	86,805	-6.2	-10.4	3.2	185.4	12.3	6.7	0.5	NA	23.3	28.2	9.0	6.8
Năng lượng	-0.36	78,299	-1.6	-6.3	-9.0	21.2	19.3	14.3	2.2	2.1	NA	31.6	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.86	512,984	-0.5	-2.2	-0.9	26.2	25.6	18.5	4.8	4.2	44.2	30.0	20.7	22.1
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	759	-6.0	-3.3	-26.0	5.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,795	-1.2	-1.4	-4.0	-7.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.64	45,140	-4.9	-6.4	-9.1	10.7	19.4	17.0	1.6	1.5	11.7	14.0	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	-7.13	445,458	-5.5	-10.7	-8.8	135.6	12.0	11.5	1.8	0.9	93.2	-2.9	26.4	19.0
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,334	-5.1	-6.4	-13.9	-27.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.22	34,771	-3.9	-5.9	-14.7	34.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-10.76	1,158,307	-2.2	-2.1	-3.2	22.6	8.5	7.4	1.4	1.0	10.2	14.0	9.1	9.6
Bán lẻ	0.01	92,550	-3.4	-8.0	-4.7	54.2	32.0	22.8	2.8	2.5	17.9	18.9	15.5	14.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.95	82,382	0.1	5.9	26.5	105.4	15.3	12.6	3.8	3.1	37.1	18.4	24.4	24.8
Thiết bị và phần cứng	-0.08	6,100	-4.0	-4.9	2.8	103.2	18.4	15.1	4.0	3.6	29.9	19.3	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	-0.03	1,591	-4.8	2.6	10.4	204.3	14.6	12.5	3.8	3.0	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-0.73	157,597	-6.9	-11.9	5.9	301.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-2.71	246,801	-1.6	-3.0	-2.4	22.2	69.0	12.4	23.2	1.4	NA	NA	-66.4	-31.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	119,900	2.6	2,102,000	1.0
NVL VN	105,100	1.5	3,321,300	0.6
VJC VN	120,000	0.9	1,009,700	0.2
SJS VN	60,000	5.6	615,400	0.1
PVD VN	19,000	2.7	9,088,500	0.1
ABS VN	24,350	6.8	312,400	0.0
FRT VN	30,150	3.6	4,518,900	0.0
SHP VN	21,950	3.5	23,400	0.0
VPD VN	14,400	3.6	13,100	0.0
PVT VN	17,750	0.9	6,334,900	0.0

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	104,000	-4.2	2,863,900	-4.3
VHM VN	108,000	-4.0	8,065,200	-4.1
CTG VN	35,000	-6.9	27,996,400	-3.4
VPB VN	64,000	-7.0	22,323,700	-3.2
BID VN	42,000	-6.5	6,021,800	-3.2
TCB VN	53,500	-5.5	58,235,500	-3.0
HPG VN	44,950	-5.0	75,500,300	-2.9
VCB VN	107,100	-2.5	2,480,600	-2.7
GVR VN	29,400	-7.0	7,085,300	-2.4
GAS VN	88,000	-4.0	990,800	-1.9

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.